

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2026	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 2 năm 2026	7 - 8
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2026	9 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.738.581.864.790	4.466.054.001.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.027.288.250.867	918.173.294.673
1. Tiền	111		76.658.768.439	97.199.870.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		950.629.482.428	820.973.424.658
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.103.437.467.882	2.203.113.672.469
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2c	2.107.979.645.419	2.207.558.205.492
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2c	(4.542.177.537)	(4.444.533.023)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.537.659.503.418	1.277.114.913.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	73.411.512.377	129.879.560.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	45.646.183.845	46.016.280.156
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	1.452.504.503.045	1.135.161.769.395
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(33.902.695.849)	(33.942.695.848)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.087.575.742	4.992.674.069
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.087.575.742	4.992.674.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
2. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		65.109.066.881	62.659.446.723
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3.258.392.987	4.383.279.996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		61.449.916.020	57.913.395.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	400.757.874	362.771.238
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.324.254.755.401	6.040.605.379.936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.432.469.200	23.613.180.388
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	18.432.469.200	23.613.180.388
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		853.131.639.759	790.982.189.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	844.731.022.675	781.171.187.732
- Nguyên giá	222		1.513.518.455.880	1.404.702.261.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(668.787.433.205)	(623.531.073.684)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		259.912.568.266	259.912.568.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(259.912.568.266)	(259.912.568.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.400.617.084	9.811.001.819
- Nguyên giá	228		39.750.882.894	39.554.632.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.350.265.810)	(29.743.631.075)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		106.297.092.927	131.664.706.578
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	106.297.092.927	131.664.706.578
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260		5.335.642.928.000	5.077.659.864.997
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	5.567.687.138.072	4.991.500.685.648
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	1.530.683.494.736	1.816.684.673.941
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	-	5.000.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(1.762.727.704.808)	(1.735.525.494.592)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		10.750.625.515	16.685.438.422
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	10.750.625.515	16.685.438.422
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		11.062.836.620.191	10.506.659.381.746

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		659.218.881.748	490.812.102.810
I. Nợ ngắn hạn	310		658.841.274.902	489.517.890.283
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	38.183.277.958	33.892.558.401
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		215.278.090	214.251.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	172.919.747.336	14.255.892.221
5. Phải trả người lao động	315	V.16	30.831.482.873	55.524.832.948
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	1.242.750.000	640.731.361
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		7.567.489.530	7.775.967.018
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	128.885.545.060	147.078.034.754
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	-	9.089.381.911
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.20	123.630.968.110	129.673.858.543
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	155.364.735.945	91.372.381.226
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		377.606.846	1.294.212.527
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.22	377.606.846	1.294.212.527
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

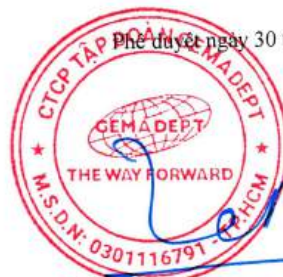
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.403.617.738.443	10.015.847.278.936
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	4.264.951.090.000	4.264.951.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.264.951.090.000	4.264.951.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.23a	3.920.183.061.040	3.920.183.061.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23a	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	72.682.100.796	72.682.100.796
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.23a	69.568.035.889	69.568.035.889
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23a	2.006.845.067.816	1.619.074.608.309
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	V.23a	540.334.982.485	1.619.074.608.309
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b	V.23a	1.466.510.085.331	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.062.836.620.191	10.506.659.381.746



Nguyễn Ngọc Sơn
 Người lập



Khoa Năng Lưu
 Kế toán trưởng



Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Thanh Bình
 Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)
Quý 2 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	149.935.979.349	135.726.873.116	272.884.655.377	236.090.343.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		149.935.979.349	135.726.873.116	272.884.655.377	236.090.343.626
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.939.875.756	33.576.222.088	110.579.197.765	98.032.513.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.996.103.593	102.150.651.028	162.305.457.612	138.057.829.948
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.512.657.168.226	476.463.438.804	1.636.533.316.622	691.518.389.011
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	(1.100.417.954)	52.969.923.753	27.926.693.828	184.113.406.010
Trong đó: chi phí đi vay	24		-	75.664.001	48.314.405	766.220.870
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.134.756.578	316.707.407	1.455.941.764	594.559.259
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	79.790.819.062	57.410.553.722	122.851.865.047	90.007.250.253
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.551.828.114.133	467.916.904.950	1.646.604.273.595	554.861.003.437
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.571.967.825	1.355.616.298	3.798.619.110	2.116.286.133
13. Chi phí khác	32	VI.8	106.875.929	9.454.747.445	159.190.410	9.634.880.530
14. Lợi nhuận khác	40		3.465.091.896	(8.099.131.147)	3.639.428.700	(7.518.594.397)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.555.293.206.029	459.817.773.803	1.650.243.702.295	547.342.409.040
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	171.635.533.740	17.695.068.338	184.650.222.645	23.763.584.137
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(67.269.902)	641.868.515	(916.605.681)	(393.543.935)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.383.724.942.191</u>	<u>441.480.836.950</u>	<u>1.466.510.085.331</u>	<u>523.972.368.838</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026



[Signature]

Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập

[Signature]

Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.650.243.702.295	547.342.409.040
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.1	48.968.384.720	49.228.240.780
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	21.216.964.298	68.990.029.442
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(1.860.001.247)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3, VI.7	(1.634.120.976.174)	(4.464.513.512)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	48.314.405	(574.352.829.804)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	766.220.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.496.388.297	87.509.556.816
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.883.439.620)	(19.273.270.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.901.673)	(8.778.916.168)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.601.305.158)	(46.162.271.320)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		7.059.699.916	(3.967.253.004)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	4.377.458.904
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.18, V.19, VI	(129.045.766)	(1.071.630.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(22.004.113.145)	(524.126.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(96.655.487.305)	(70.234.261.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(60.812.204.454)	(58.124.713.575)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12	(87.782.141.406)	(10.106.337.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		578.398.151	318.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.790.000.000.000)	(786.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.910.344.088.066	777.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(471.566.429.424)	(780.753.862.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		924.972.480.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		630.140.367.154	707.245.383.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.116.686.762.541	(91.796.634.070)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	62.097.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	21.409.786.866
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.089.381.911)	(265.750.067.813)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(21.293.692)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(938.288.213.610)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(947.377.595.521)	(182.264.574.639)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		108.496.962.566	(332.185.922.284)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	918.173.294.673	3.245.846.290.561
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		617.993.628	1.257.243.061
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.027.288.250.867	2.914.917.611.338

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026


Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập
Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng
Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược tập trung phát triển hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Khai thác Cảng và Logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực Trồng rừng và Bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty tiếp tục tăng vốn vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ, Công ty Cổ phần Mekong Logistics và Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings).

Trong kỳ, công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty tại Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings), Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có 20 công ty con và 7 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 17 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối kỳ**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam	79,00%	79,00%	79,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	429/4 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Monduliri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Monduliri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Monduliri, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	184 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Tầng 9, Tòa nhà Indochina Riverside Tower, 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	75,00%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ	Lô KB3-02, Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Phường Đông Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam	88,54%	88,54%	88,54%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics ⁽ⁱⁱ⁾	Khu công nghiệp Sông Hậu, Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	49,00%	49,00%	51,00%
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings)	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nam Đình Vũ	Lô CN 27, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%

(i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

(ii) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Mekong Logistics do được sự ủy quyền của cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 51%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Ấp Tân Lộc, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,09%	33,09%	33,09%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Xã Phước Hải, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Căn hộ LK 12, Chung cư Vũng Tàu Center, 93 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 199 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 195 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 2 năm 2026 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh IV.2);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh IV.4);
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh IV.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm, chi phí phần mềm và chi phí sửa chữa. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí phần mềm

Chi phí phần mềm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả cổ tức: Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật liên quan.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.775.789.530	1.777.095.926
Tiền gửi ngân hàng	73.882.978.909	95.422.774.089
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	950.629.482.428	820.973.424.658
Cộng	1.027.288.250.867	918.173.294.673

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2a. Chứng khoán kinh doanh**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	(25.395.934.940)
Hoàn nhập/ (dự phòng) trong kỳ	-	1.073.920.455
Số cuối kỳ	-	(24.322.014.485)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	5.567.687.138.072	(1.732.929.827.225)	4.991.500.685.648	(1.690.137.092.528)
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	1.098.107.227.595	(628.769.446.480)	1.077.139.167.595	(614.035.231.441)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(514.159.174.463)	586.721.892.380	(499.302.952.225)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	1.301.400.000.000	-	1.301.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	568.141.225.440	(568.141.225.440)	559.520.824.530	(553.390.054.067)
Công ty TNHH Cảng Phước Long	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	110.000.000.000	(15.400.051.718)	110.000.000.000	(14.676.145.522)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	158.000.000.000	-	158.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	308.000.000.000	-	308.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ ⁽ⁱ⁾	320.639.711.429	(6.459.929.124)	242.551.497.143	(8.732.709.273)
Công ty CP Mekong Logistics	173.497.892.699	-	-	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings) ⁽ⁱ⁾	295.011.884.529	-	-	-
Các công ty con khác	1.637.304.000	-	1.637.304.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.530.683.494.736	(29.797.877.583)	1.816.684.673.941	(42.746.863.488)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	-	834.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings) ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	131.555.876.205	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	108.001.500.000	-	108.001.500.000	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings) ⁽ⁱ⁾	-	-	104.620.023.000	-
Công ty TNHH Golden Globe	103.823.882.496	(11.043.269.440)	103.823.882.496	(9.268.015.774)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực Phẩm ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	49.825.280.000	(14.724.239.571)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	5.000.000.000	(2.641.538.576)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	5.000.000.000	(2.641.538.576)
Cộng	7.098.370.632.808	(1.762.727.704.808)	6.813.185.359.589	(1.735.525.494.592)

(i) Tăng do góp vốn bổ sung, nhận chuyển nhượng vốn góp.

(ii) Giảm do thoái vốn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.735.525.494.592)	(1.210.377.211.317)
Hoàn nhập/ (dự phòng) trong kỳ	(27.202.210.216)	(181.383.257.649)
Số cuối kỳ	(1.762.727.704.808)	(1.391.760.468.966)

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	1.973.845.939.726	-	2.200.008.281.300	-
Cho vay	134.133.705.693	(4.542.177.537)	7.549.924.192	(4.444.533.023)
Cho Minh Đạt vay	2.623.500.000	(2.623.500.000)	2.623.500.000	(2.623.500.000)
Cho Mekong Logistics vay	17.000.000.000	-	-	-
Cho Gemadept Miền Trung vay	9.000.000.000	-	-	-
Cho Nam Đình Vũ vay	100.000.000.000	-	-	-
Lãi cho vay dự thu	5.510.205.693	(1.918.677.537)	4.926.424.192	(1.821.033.023)
Cộng	2.107.979.645.419	(4.542.177.537)	2.207.558.205.492	(4.444.533.023)

Tình hình biến động dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(4.444.533.023)	(4.274.005.523)
Trích lập dự phòng bổ sung	(97.644.514)	(84.562.952)
Số cuối kỳ	(4.542.177.537)	(4.358.568.475)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2d. Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	20.968.060.000	44.072.660.000
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương		
Góp vốn	8.620.400.910	-
Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Chi hộ	267.836.000	221.976.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Cổ tức được chia	494.532.000.000	284.910.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản	10.713.354.842	11.125.083.333
Doanh thu dịch vụ	15.465.197.124	12.074.171.736
Góp vốn	-	276.000.000.000
Cho vay	100.000.000.000	-
Lãi cho vay	377.369.863	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.545.000.000	1.545.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.247.128.812	1.023.798.552
Cho vay	-	2.091.876.710
Lãi cho vay	-	25.000.000.000
Cổ tức được chia	15.800.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Doanh thu cho thuê tài sản	25.647.933.336	23.440.800.000
Doanh thu dịch vụ	4.605.439.950	3.656.099.256
Lợi nhuận được chia	63.000.000.000	178.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.133.333.336	2.005.000.000
Doanh thu dịch vụ	6.226.011.990	4.540.699.014
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương		
Doanh thu cho thuê tài sản	17.203.934.020	16.500.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.961.825.370	1.358.647.518
Nhờ chi hộ	-	19.492.661.490

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	120.000.000	160.636.362
Doanh thu dịch vụ	363.041.778	262.396.098
Cổ tức được chia	32.640.000.000	40.800.000.000
<i>Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	460.416.127	280.783.333
Doanh thu dịch vụ	268.188.438	204.177.018
Cho vay	9.000.000.000	-
Lãi cho vay	130.060.274	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	1.217.413.344	241.864.332
Chi hộ	717.848.800	693.396.000
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M</i>		
Lãi cho vay	-	508.438.357
Góp vốn	-	273.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	900.000.000	1.800.000.000
Cổ tức được chia	7.176.000.000	3.864.000.000
<i>Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Doanh thu dịch vụ	257.607.960	285.815.028
Góp vốn	-	115.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Doanh thu dịch vụ	136.800.000	133.200.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link</i>		
Doanh thu dịch vụ	21.299.768.519	22.531.250.000
Doanh thu cho thuê tài sản	34.601.172	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn</i>		
Cổ tức được chia	-	102.351.102.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	207.238.200	201.792.100
Lợi nhuận được chia	6.800.000.000	11.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.446.300.000	2.024.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Lãi cho vay	97.644.514	84.562.952
Chi hộ	-	61.100.092
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.521.637.878	1.608.840.183
Doanh thu dịch vụ	29.232.000	29.509.600
Chi hộ	120.000.000	120.000.000
Nhận chuyển nhượng vốn góp	173.110.893.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	23.823.824.057	23.831.857.782
Doanh thu dịch vụ	1.874.736.112	1.289.888.887
Thu hộ	23.158.408.225	19.381.026.201
Chi hộ	34.106.576.352	24.431.327.169
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Doanh thu dịch vụ	78.246.000	76.072.500
Cho vay	20.000.000.000	-
Lãi cho vay	431.884.932	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	359.919.354	366.633.334
Doanh thu dịch vụ	433.187.310	288.013.032
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ		
Góp vốn	78.088.214.286	-
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings)		
Cổ tức được chia	180.000.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	59.015.857.249	115.030.764.675
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	21.299.768.519	90.874.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	13.880.806.446	4.627.303.081
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	11.469.667.995	7.493.113.624
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6.274.586.382	5.533.916.411
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương	3.445.119.477	3.525.314.542
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	1.504.682.158	1.687.429.542
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	502.583.186	530.543.489
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	162.000.000	162.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	210.062.357	290.149.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Gemadept	129.273.716	244.741.016
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	46.369.433	19.015.700
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	3.990.060	4.582.980
Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Gemadept - Dung Quất	86.947.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	-	31.376.400
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	-	7.278.700
Phải thu các khách hàng khác	14.395.655.128	14.848.795.498
Phải thu các khách hàng khác	14.395.655.128	14.848.795.498
Cộng	73.411.512.377	129.879.560.173

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	22.192.800.000	22.192.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	-	6.983.853.004
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Kami	7.791.224.000	5.646.240.000
Các nhà cung cấp khác	15.662.159.845	11.193.387.152
Cộng	45.646.183.845	46.016.280.156

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.292.861.111.771	987.038.305.446
Công ty TNHH Cảng Phước Long - Lợi nhuận được chia	587.000.000.000	744.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ - Cổ tức được chia	494.532.000.000	-
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương - Chi hộ	100.858.403.910	100.033.582.425
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất - Cổ tức được chia	32.640.000.000	-
Công ty TNHH Golden Globe - Chi hộ	29.619.628.500	29.377.398.750
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải - Lợi nhuận được chia	15.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ - Cổ tức được chia	12.695.999.999	8.279.999.999
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương - Phải thu khác	9.317.647.445	9.317.647.445
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương - Lợi nhuận được chia	6.850.000.000	7.850.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương - Chi hộ	732.015.550	464.179.550
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept - Nhờ thu hộ, chi hộ	804.361.239	411.857.149
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn - Cổ tức được chia	-	85.292.585.000
Các bên liên quan khác – Cổ tức được chia, chi hộ và phải thu khác	2.011.055.128	2.011.055.128

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	159.643.391.274	148.123.463.949
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	4.000.000.000	4.000.000.000
Tạm ứng	35.372.591.549	28.451.584.767
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	113.884.567.839	108.300.713.125
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.386.231.886	7.371.166.057
Cộng	1.452.504.503.045	1.135.161.769.395

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản đặt cọc dài hạn	432.469.200	5.613.180.388
Cộng	18.432.469.200	23.613.180.388

6. Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bên liên quan		2.011.055.128	(2.011.055.128)		2.011.055.128	(2.011.055.128)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay và chi hộ		2.011.055.128	(2.011.055.128)		2.011.055.128	(2.011.055.128)
Các tổ chức và cá nhân khác		31.891.640.721	(31.891.640.721)		31.931.640.720	(31.931.640.720)
Công ty TNHH Sông Hằng	Trên 03 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	Trên 03 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	24.891.640.721	(24.891.640.721)	Trên 03 năm	24.931.640.720	(24.931.640.720)
Cộng		33.902.695.849	(33.902.695.849)		33.942.695.848	(33.942.695.848)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(33.942.695.848)	(33.769.507.657)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng bổ sung	39.999.999	(61.100.092)
Số cuối kỳ	(33.902.695.849)	(33.830.607.749)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	4.700.202.313	-	4.944.420.954	-
Hàng hóa	387.373.429	-	48.253.115	-
Cộng	5.087.575.742	-	4.992.674.069	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí chờ phân bổ****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	608.237.626	363.784.684
Chi phí phần mềm	1.162.432.020	2.055.247.654
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.487.723.341	1.964.247.658
Cộng	3.258.392.987	4.383.279.996

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	9.620.055.183	14.678.612.090
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.130.570.332	2.006.826.332
Cộng	10.750.625.515	16.685.438.422

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.091.301.224	41.831.088.867	1.338.052.530.192	19.727.341.133	1.404.702.261.416
Mua trong kỳ	-	-	2.318.259.333	112.866.667	2.431.126.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	108.472.878.963	-	108.472.878.963
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.126.689.089)	-	(2.126.689.089)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	37.526.240	1.352.350	38.878.590
Số cuối kỳ	5.091.301.224	41.831.088.867	1.446.754.505.639	19.841.560.150	1.513.518.455.880
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.091.301.224	9.425.082.056	597.635.737.287	11.378.953.117	623.531.073.684
Khấu hao trong kỳ	-	1.275.582.192	44.775.285.389	1.310.882.404	47.361.749.985
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.126.689.089)	-	(2.126.689.089)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	19.946.275	1.352.350	21.298.625
Số cuối kỳ	5.091.301.224	10.700.664.248	640.304.279.862	12.691.187.871	668.787.433.205
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	32.406.006.811	740.416.792.905	8.348.388.016	781.171.187.732
Số cuối kỳ	-	31.130.424.619	806.450.225.777	7.150.372.279	844.731.022.675

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.912.568.266
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	259.912.568.266
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	259.912.568.266

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khấu hao trong kỳ	-
Số cuối kỳ	259.912.568.266

Giá trị còn lại	-
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	38.283.102.884	39.554.632.894
Tăng trong kỳ	-	196.250.000	196.250.000
Số cuối kỳ	1.271.530.010	38.479.352.884	39.750.882.894
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	29.743.631.075	29.743.631.075
Khấu hao trong kỳ	-	1.606.634.735	1.606.634.735
Số cuối kỳ	-	31.350.265.810	31.350.265.810
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	8.539.471.809	9.811.001.819
Số cuối kỳ	1.271.530.010	7.129.087.074	8.400.617.084

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí mua xà lan, khung chụp cont	121.382.069.136	83.105.265.312	(108.472.878.963)	96.014.455.485
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm hệ thống MDM và quản lý công nợ	8.927.462.000	-	-	8.927.462.000
Cộng	131.664.706.578	83.105.265.312	(108.472.878.963)	106.297.092.927

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	795.460.724	601.671.888
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	795.460.724	601.671.888
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.387.817.234	33.290.886.513
Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Phước Tạo	9.814.381.020	5.242.315.600

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	8.224.386.987	3.456.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thái Dương Toàn Cầu	2.612.779.200	2.091.744.000
Các nhà cung cấp khác	16.736.270.027	22.500.826.913
Cộng	38.183.277.958	33.892.558.401

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.635.533.740	-	8.989.424.240	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.284.213.596	-	5.266.467.981	-
Thuế nhà thầu	-	400.757.874	-	362.771.238
Cộng	172.919.747.336	400.757.874	14.255.892.221	362.771.238

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.242.750.000	640.731.361
Chi phí lãi vay	-	80.731.361
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.242.750.000	560.000.000
Cộng	1.242.750.000	640.731.361

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.103.102.684	1.797.240.169
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ, phải trả khác	1.439.962.614	1.151.167.203
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương – Nhờ chi hộ	566.531.235	566.531.235
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	7.237.231	7.237.231
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept - Chi hộ	17.067.104	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	72.304.500	72.304.500
– Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	126.782.442.376	145.280.794.585
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.027.196.756	2.034.831.850
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	600.336.808	644.001.311
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	124.154.908.812	142.601.961.424
Cộng	128.885.545.060	147.078.034.754

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	9.089.381.911
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	3.342.479.662
Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – CN Hà Nội	-	5.746.902.249
Cộng	-	9.089.381.911

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	123.630.968.110	129.673.858.543
Cộng	123.630.968.110	129.673.858.543

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và Quỹ Hội đồng quản trị.

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn góp của chủ sở hữu	4.264.951.090.000	-	-	4.264.951.090.000
Thặng dư vốn	3.920.183.061.040	-	-	3.920.183.061.040
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	-	-	69.388.382.902
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	-	-	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	-	-	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.619.074.608.309	1.466.510.085.331	(1.078.739.625.824)	2.006.845.067.816
Tổng cộng	10.015.847.278.936	1.466.510.085.331	(1.078.739.625.824)	10.403.617.738.443

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	426.495.109	426.495.109
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	426.495.109	426.495.109
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	426.495.109	426.495.109
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	426.495.109	426.495.109
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics	272.482.972.931	235.629.078.518
Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác	401.682.446	461.265.108
Cộng	272.884.655.377	236.090.343.626

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số V.2d.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	93.959.141.056	60.399.847.967
Lãi tiền cho vay	1.036.959.583	2.684.878.019
Cổ tức, lợi nhuận được chia	801.394.300.000	622.949.922.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.990.738.599	5.403.741.025
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	737.152.177.384	80.000.000
Cộng	1.636.533.316.622	691.518.389.011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	48.314.405	766.220.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá	542.857.712	802.858.890
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	-	2.185.098.904
Dự phòng/ (Hoàn nhập) chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.202.210.216	180.309.337.194
Chi phí tài chính khác	133.311.495	49.890.152
Cộng	27.926.693.828	184.113.406.010

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	61.496.350.852	50.624.760.343
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	630.976.810	668.316.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.718.063.520	4.566.040.678
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	57.644.515	145.663.044
Chi phí thuê văn phòng	11.412.061.591	10.270.200.249
Các chi phí khác	44.536.767.759	23.732.269.269
Cộng	122.851.865.047	90.007.250.253

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	578.398.151	318.181.818
Các khoản thu nhập khác	3.220.220.959	1.798.104.315
Cộng	3.798.619.110	2.116.286.133

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	159.190.410	9.634.880.530
Cộng	159.190.410	9.634.880.530

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.696.845.967	10.378.096.914
Chi phí nhân công	77.253.703.435	64.513.345.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.968.384.720	49.228.240.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.280.527.180	23.517.435.154
Chi phí khác	63.687.543.274	40.997.204.618
Cộng	234.887.004.576	188.634.323.190

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	16.772.343.159	12.812.367.333
Thu nhập khác	3.090.000.000	3.180.000.000
Cộng	19.862.343.159	15.992.367.333

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương	Công ty con gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Gemadept
Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL
Công ty TNHH Liên doanh GNL
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings)
Công ty TNHH Golden Globe
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm

Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng

Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept

Công ty Cổ phần Mekong Logistics

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.

Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn
Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Y tế Phú Hưng

Mối quan hệ

Công ty con gián tiếp
Công ty con gián tiếp
Công ty con gián tiếp
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con)
Công ty liên kết
Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết (đến ngày 14 tháng 04 năm 2026)
Công ty liên kết
Công ty con của Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty con của Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành công ty con)
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Công ty liên kết của Công ty liên kết (đến ngày 05 tháng 05 năm 2026)
Công ty liên kết của Công ty con
Công ty liên kết của Công ty con
Công ty liên kết của Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2d.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2c, V.3, V.5, V.14 và V.18.

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>Quý 2 năm 2026</u>	<u>Quý 2 năm 2025</u>	<u>Chênh lệch tăng</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.383.724.942.191	441.480.836.950	942.244.105.241
	<u>6TĐN 2026</u>	<u>6TĐN 2025</u>	<u>Chênh lệch tăng</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.510.085.331	523.972.368.838	942.537.716.493

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2 năm 2026 đạt gần 1.384 tỷ đồng, tăng hơn 942 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 2 năm 2025.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6TĐN 2026 đạt gần 1.467 tỷ đồng, tăng hơn 942 tỷ đồng so với 6TĐN 2025.

Nguyên nhân chủ yếu do tăng trưởng từ lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh cốt lõi và ghi nhận khoản lãi chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings), Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam và các khoản nhận cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước.

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026


Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập


Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

